

Số: /GPMT-UBND

Sơn La, ngày tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La;

Xét Văn bản số 63/CV-ĐG ngày 05/5/2025 của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao về việc tiếp thu, bổ sung, giải trình nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 451/TTr-SNNMT ngày 20/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (địa chỉ: Tổ 16, phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La tại Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La với những nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 2700224457 đăng ký lần đầu, ngày 26/7/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/10/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp.

1.4. Mã số thuế: 2700224457.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến rau, quả.

1.6. Phạm vi quy mô, công suất

- Diện tích thực hiện dự án: 88.601,4 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này: Trung tâm chế biến nước quả cô đặc và puree, công suất 20.000 tấn/năm; Trung tâm chế biến rau quả đồ hộp, công suất 20.000 tấn sản phẩm/năm; Trung tâm chế biến rau quả đông lạnh, công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm.

- Sản phẩm: Nước quả cô đặc và pure: 20.000 tấn/năm; Rau quả đồ hộp: 20.000 tấn sản phẩm/năm; rau quả đông lạnh: 10.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của dự án

+ Công nghệ sản xuất cô đặc: Nguyên liệu quả tươi được lựa chọn, phân loại đảm bảo đồng đều về kích thước, hình dạng, màu sắc và độ chín → Rửa loại bỏ tạp chất → Ép để tách dịch bào ra khỏi nguyên liệu → Lọc thô để tách dịch quả và thịt quả → Gia nhiệt dịch ép bằng thiết bị gia nhiệt → Ly tâm tách bã và các chất keo đã kết tủa sau quá trình gia nhiệt → Cô đặc bằng cách giảm nhiệt độ của dung dịch → Rót chai, ghép nắp → Thanh trùng để tiêu diệt hoàn toàn hay ức chế các vi sinh vật gây hư hỏng → Bảo quản → Hoàn thiện sản phẩm (*đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng sản phẩm*).

+ Công nghệ sản xuất đồ hộp: Nguyên liệu rau, quả tươi được lựa chọn, phân loại đảm bảo đồng đều về kích thước, hình dạng, màu sắc và độ chín → Rửa loại bỏ tạp chất → Tạo hình (*sử dụng các máy cắt, tạo hình phân chia thành 4 kích cỡ*) → Đưa qua hệ thống máy rửa và loại bỏ nguyên liệu không đạt → Đóng hộp (*sử dụng*

dây chuyên đóng hộp tự động) → Thanh trùng để bất hoạt vi sinh nhằm đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm → Bảo quản → Hoàn thiện sản phẩm (*đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng sản phẩm*).

+ Công nghệ sản xuất đông lạnh: Nguyên liệu rau, quả tươi được lựa chọn, phân loại đảm bảo đồng đều về kích thước, hình dạng, màu sắc và độ chín → Rửa loại bỏ tạp chất → Tạo hình (*sử dụng các máy cắt, tạo hình phân chia thành 4 kích cỡ*) → Đưa qua hệ thống máy rửa và loại bỏ nguyên liệu không đạt → Cấp đông (*sử dụng hệ thống cấp đông nhanh Hàm IQF tầng sôi*) → Đóng hộp (*sử dụng dây chuyên đóng hộp tự động*) → Bảo quản → Hoàn thiện sản phẩm (*đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng sản phẩm*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao có trách nhiệm

2.1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Sơn La và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả

nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2025 đến hết ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp Giấy phép môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, CT;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Trung tâm Thông tin tỉnh (để công bố);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Công ty CP thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục số 01**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa nguyên liệu của dây chuyền công nghệ sản xuất cô đặc.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ công đoạn ép tách dịch bào của dây chuyền công nghệ sản xuất cô đặc.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ công đoạn cô đặc của dây chuyền công nghệ sản xuất cô đặc.
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa nguyên liệu của dây chuyền công nghệ sản xuất đồ hộp.
- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ hệ thống máy rửa loại bỏ nguyên liệu không đạt của dây chuyền công nghệ sản xuất đồ hộp.
- Nguồn số 06: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa nguyên liệu của dây chuyền công nghệ sản xuất đông lạnh.
- Nguồn số 07: Nước thải sản xuất từ hệ thống máy rửa loại bỏ nguyên liệu không đạt của dây chuyền công nghệ sản xuất đông lạnh.
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt nhà xí, tiểu từ khu vực nhà nghỉ công nhân.
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt rửa tay chân, nước thoát sàn từ khu vực nhà nghỉ công nhân.
- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt nhà xí, tiểu từ khu vực nhà điều hành.
- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt rửa tay chân, nước thoát sàn từ khu vực nhà điều hành.
- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà bếp ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

Dòng thải số 01: Nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 được thu gom vào hệ thống rãnh thu nước thải bố trí tại các khu vực rửa nguyên liệu, khu chế biến theo

từng dây chuyền sản xuất. Trên mặt các rãnh thu nước thải bố trí song chắn rác kích thước 2 - 3cm để loại bỏ các rác thải có kích thước lớn. Nước thải sản xuất theo hệ thống thu gom nước thải bố trí dọc dây chuyền sản xuất, ống cống D300, chiều dài 619m, độ dốc $i=0,5 - 0,8\%$ về bể thu gom tập trung. Nguồn số 08, 10: được xử lý qua bể tự hoại sau đó được dẫn qua ống PVC D110, cống D300 về bể thu gom tập trung; Nguồn số 09, 11: Được thu gom theo đường ống thu gom PVC D110, cống D300 về bể thu gom tập trung; Nguồn số 12: Xử lý qua bể tách dầu mỡ rồi thu gom bằng đường ống PVC D110, cống D300 về bể thu gom tập trung; 12 nguồn phát sinh nước thải trên được thu gom tập trung tại bể thu gom nước thải sau đó được bơm lên hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải đầu ra hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được bơm sang bể điều hòa sinh học có thể tích 6.750m^3 , sau đó được dẫn đường ống xả thải ra mương thoát lũ từ bản Mai Tiên đến bản Thống Nhất, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải

Vị trí xả nước thải của dòng thải số 01: Mương thoát lũ từ bản Mai Tiên đến bản Thống Nhất, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X= 2.347.625$; $Y= 507.130$ (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $400 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (Công suất tối đa của hệ thống xử lý nước thải).

2.3.1. Phương thức xả thải

Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức (Nước thải sau xử lý được bơm dẫn qua đường ống HDPE D200, chiều dài 4.436m).

2.3.2. Chế độ xả nước thải

Chế độ xả thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40: 2011/BTNMT, Cột A ($C= C_{\max}$ đối với các chỉ tiêu màu, pH, Coliform; áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f= 1,1$ đối với các chỉ tiêu còn lại). Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) - Cột A. Cụ thể như bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BT NMT Cột A - C _{max}	QCVN 40:2025/BT NMT Cột A	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc định kỳ theo đề xuất
1	Màu	Pt/Co	50	≤ 50	Không thuộc đối tượng	06 tháng/lần
2	pH	-	6 đến 9	6 đến 9		
3	Nhiệt độ	°C	40	≤ 40		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	29,7	≤ 40		
5	COD	mg/l	74,25	≤ 65		
6	Chất rắn lơ lửng (Tổng chất rắn lơ lửng)	mg/l	49,5	≤ 40		
7	Tổng Phenol	mg/L	0,099	≤ 1,0		
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,8	≤ 1,0		
9	Sunfua	mg/l	0,198	≤ 0,2		
10	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95	≤ 5,0		
11	Tổng nitơ	mg/l	19,8	≤ 20		
12	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,96	≤ 8,0		
13	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	495	≤ 500		
14	Clo dư	mg/l	0,99	≤ 1,0		
15	Coliform (Tổng Coliform)	vi khuẩn/100ml	3.000	≤ 3.000		

(Nội dung quan trắc định kỳ theo đề xuất của Chủ dự án)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải sản xuất phát sinh từ 03 dây chuyền sản xuất của Trung tâm chế biến rau quả bao gồm:

+ Dây chuyền công nghệ sản xuất cô đặc: Nước thải sản xuất được phát sinh tại công đoạn rửa nguyên liệu (nguồn số 01); công đoạn ép tách dịch bào (nguồn số 02) và công đoạn cô đặc (nguồn số 03).

+ Dây chuyền công nghệ sản xuất đồ hộp: Nước thải sản xuất được phát sinh tại công đoạn rửa nguyên liệu (*nguồn số 04*) và công đoạn đưa qua hệ thống máy rửa và loại bỏ nguyên liệu không đạt (*nguồn số 05*).

+ Dây chuyền công nghệ sản xuất đông lạnh: Nước thải sản xuất được phát sinh tại công đoạn rửa nguyên liệu (*nguồn số 06*) và công đoạn đưa qua hệ thống máy rửa và loại bỏ nguyên liệu không đạt (*nguồn số 07*).

Nước thải sản xuất được thu gom vào hệ thống rãnh thu nước thải bố trí tại các khu vực rửa nguyên liệu, khu chế biến theo từng dây chuyền sản xuất. Trên mặt các rãnh thu nước thải bố trí song chắn rác kích thước 2 - 3cm để loại bỏ các rác thải có kích thước lớn. Nước thải sản xuất theo hệ thống thu gom nước thải bố trí dọc dây chuyền sản xuất, ống cống D300, chiều dài 619m, độ dốc $i=0,5 - 0,8\%$ về bể thu gom sau đó được bơm lên hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải nhà vệ sinh: Được phát sinh từ 02 khu vực và chia thành 4 nguồn thu gom và xử lý như sau:

+ Khu vực nhà nghỉ công nhân: Nước thải nhà xí, tiểu (*nguồn số 08*), nước thải rửa tay chân, nước thoát sàn (*nguồn số 09*).

+ Khu vực nhà điều hành: Nước thải nhà xí, tiểu (*nguồn số 10*), nước thải rửa tay chân, nước thoát sàn (*nguồn số 11*).

Nước thải nhà xí tiểu (*nguồn số 08, 10*) được thu gom về bể tự hoại xử lý sơ bộ, nước thoát sàn, rửa tay chân nhà vệ sinh (*nguồn số 09, 11*) được tách rác sau đó đưa về hố ga lắng. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và hố ga lắng sẽ được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Trung tâm chế biến rau quả là ống cống D300, độ dốc $i=0,5-0,8\%$, dẫn về bể thu gom và bơm lên hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ khu nhà bếp (*nguồn số 12*) thu gom qua song chắn rác, được đưa vào tách dầu mỡ rồi dẫn vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Trung tâm chế biến rau quả là ống cống D300, độ dốc $i=0,5-0,8\%$, dẫn về bể thu gom và bơm lên hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Toàn bộ 12 nguồn phát sinh nước thải trên được thu gom tập trung tại bể thu gom nước thải sau đó được bơm lên hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải đầu ra hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được bơm sang bể điều hòa sinh học có thể tích $6.750m^3$, sau đó được dẫn đường ống xả thải ra mương thoát lũ từ bản Mai Tiên đến bản Thống Nhất, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đường ống xả thải bằng vật liệu HDPE, D200, chiều dài 4.436m.

Hạng mục hệ thống thu gom và xử lý nước thải

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Quy mô/ công suất
1	Bể tự hoại	2	40,5m ³
2	Bể tách dầu, mỡ	1	12m ³
3	Cống thoát nước thải trong nhà máy	1	619m
4	Hệ thống xử lý nước thải	1	400 m ³ /ngày.đêm
5	Cống thoát nước mưa	1	2.029m

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại 03 ngăn (*ngăn chứa và lên men → Ngăn lắng → Ngăn lọc*) → Hệ thống xử lý nước thải Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La → Xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 02 bể tự hoại 03 ngăn (*khu vực công nhân kích thước toàn bể: 4,0 × 4,0 × 1,95m và khu vực nhà văn phòng làm việc kích thước toàn bể: 4,0 × 2,5 × 1,6m*).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.2.2. Bể tách mỡ

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải nhà bếp → song chắn rác → Bể tách mỡ 02 ngăn (*ngăn tách mỡ → ngăn chứa*) → trạm xử lý nước thải Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La → Xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 01 bể, kích thước bể tách dầu mỡ: dài × rộng × cao (m) = 3×2×2 (m), thể tích 12m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tổng lượng nước thải đưa về hệ thống xử lý: 330 m³/ngày đêm (*Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh: 27,3m³/ngày.đêm; Nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay chân: 10,5 m³/ngày.đêm; nước thải sinh hoạt từ nhà bếp: 4,2 m³/ngày.đêm; Nước thải sản xuất: 288 m³/ngày.đêm*).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể hiếu khí – MBBR → Bể thiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Bể điều hòa sinh học → Xả thải ra nguồn tiếp nhận (*Mương thoát lũ từ bản Mai Tiên đến bản Thống Nhất, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La*).

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH; CH₃OH; PAC; PAA (*Polymer anion*); Javen NaOCl.

- Yêu cầu đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm đảm bảo đạt QCVN 40: 2011/BTNMT, Cột A ($C = C_{max}$ đối với các chỉ tiêu màu, pH, Coliform; áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$ đối với các chỉ tiêu còn lại). Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) - Cột A.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt đề phục vụ việc quản lý nước thải khi xả thải ra môi trường của dự án, chủ dự án đã cam kết sẽ lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành. Khi công suất của nhà máy đạt 70% tổng công suất và Nhà máy đi vào sản xuất ổn định thì Công ty thực hiện lắp đặt trạm quan trắc tự động nước thải theo cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 bể sự cố dung tích 353m³ (kích thước $D \times W \times H = 15 \times 10 \times 2,5$ m) để lưu chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố. Bể đào được lót bạt HDPE 1mm chống thấm, đủ khả năng lưu chứa nước thải trong 01 ngày.

- Trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị dự phòng: Máy bơm, van, đường ống dẫn nước,...

- Thường xuyên huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành trạm xử lý nước thải; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời hỏng hóc, thực hiện duy tu bảo dưỡng định kỳ; thường xuyên kiểm tra hệ thống, bảo trì bảo dưỡng theo hướng dẫn của đơn vị cung cấp, lắp đặt công nghệ xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu, sẽ bơm nước thải về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải, nước thải sẽ được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, dự kiến 33 ngày gồm 02 giai đoạn: Điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của từng công trình và vận hành ổn

định của nhà máy.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La công suất 400 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La (*Nước thải tại bể thu gom của Trung tâm trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung*).

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (*trước khi xả thải ra môi trường*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 1.2.3 của Phần B Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần B Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất của trung tâm.

3.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025*

của Chính phủ).

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Yêu cầu Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao chỉ được phép đi vào vận hành, hoạt động chính thức Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La sau khi đã hoàn thành các thủ tục pháp lý, hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 02**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ ống khói của lò đốt dùng nhiên liệu chủ yếu là củi, trấu, lõi ngô.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải**2.1. Vị trí xả bụi, khí thải**

Quạt thổi đưa gió vào Buồng Đốt → Nhiên liệu đốt cháy tạo ra khí nóng → Khí thải tiếp tục đi qua Nồi Hơi → Thiết bị tách bụi Cyclone → Hệ thống cấp than hoạt tính → Quạt hút khói → Thiết bị hấp thụ - khử bụi ướt → Bể dập bụi → Ống khói.

- Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải nằm trong khuôn viên dự án Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La tại Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tọa độ vị trí xả thải X: 2344926,6; Y: 506069,9 (Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$, múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả thải lớn nhất $5.500\text{m}^3/\text{h}$;

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải

- Phương thức xả: Xả cưỡng bức.
- Thời gian xả thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT Cột B – Quy chuẩn Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ giá trị C_{max} có hiệu lực đến ngày 31/12/2031. QCVN 19:2024/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Cụ thể các nguồn phát sinh như sau:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B – C_{max} $K_p=1$ và $K_v=1,4$	QCVN 19:2024/BTNMT Cột A	Tần suất quan trắc	Tần suất quan trắc theo đề xuất
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	280	40	Không thuộc đối tượng	6 tháng/1 lần
2	Lưu huỳnh dioxyt, SO_2	mg/Nm^3	700	130		
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.400	200		
4	Nitơ Oxyt, NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	1.190	150		

(Nội dung quan trắc định kỳ theo đề xuất của Chủ dự án)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Đưa nguyên liệu đốt vào Buồng Đốt + Quạt thổi đưa gió vào Buồng Đốt → Nhiên liệu đốt cháy tạo ra khí nóng → Khí thải tiếp tục đi qua Nồi Hơi → Hệ thống xử lý bụi và khí thải → Môi trường không khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Quy trình công nghệ: Quạt thổi đưa gió vào Buồng Đốt → Nhiên liệu đốt cháy tạo ra khí nóng → Khí thải tiếp tục đi qua Nồi Hơi → Thiết bị tách bụi Cyclone → Hệ thống cấp than hoạt tính → Quạt hút khói → Thiết bị hấp thụ - khử bụi ướt → Bể đập bụi → Ống khói.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, Ca(OH)_2 .

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, duy tu bảo dưỡng thiết bị, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp hiệu quả xử lý không đạt yêu cầu cần tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời để đảm bảo hoạt động ổn định.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc không có khả năng xử lý đạt yêu cầu, nhà máy sẽ tạm dừng sản xuất và tiến hành sửa chữa, khắc phục và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Trang bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: Quạt hút, bơm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, dự kiến 33 ngày, gồm 02 giai đoạn: Điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của từng công trình và vận hành ổn định của nhà máy.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt dùng nhiên liệu chủ yếu là củi, trấu, lõi ngô.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Ống khói lò đốt tại đầu ra của ống khói trước khi xả thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi tại khoản 8, Điều 1 của Thông tư 07/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục số 03**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh**

- Nguồn số 01: Các phương tiện giao thông ra vào Trung tâm.
- Nguồn số 02: Dây chuyền nhập nguyên liệu.
- Nguồn số 03: Hoạt động của dây chuyền cô đặc.
- Nguồn số 04: Hoạt động của dây chuyền sản xuất đồ hộp.
- Nguồn số 05: Hoạt động của dây chuyền sản xuất đông lạnh.
- Nguồn số 06: Hoạt động của trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 07: Hoạt động của lò hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (là nguồn cố định, phân tán hoặc di động) trong khuôn viên dự án Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La tại Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	70	55	-	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	-	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Trang bị các dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại nhằm giảm tối đa khả năng phát sinh tiếng ồn.

- Hệ thống máy móc vận hành tại cơ sở được định kỳ bảo dưỡng theo đúng quy trình; yêu cầu công nhân vận hành máy móc theo đúng quy trình kỹ thuật và không hoạt động quá tải; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Trồng cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn cản và giảm tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hỏng hóc. Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

Phụ lục số 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/tháng)	Trạng thái tồn tại
Ắc quy chì thải	19 06 01	10	Rắn
Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	7	Rắn
Tổng		17	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại sản phẩm	Công suất đầu vào (tấn/ngày)	Tỉ lệ bã thải	Lượng bã phát sinh (tấn/ngày)	Thời gian phát sinh (ngày/năm)	Lượng bã trung bình (tấn/ngày)
1	Dứa lạnh	35	35%	12,25	200	6,7
2	Dứa hộp	35	35%	12,25	200	6,7
3	Dứa cô đặc	80	30%	24	60	3,9
4	Ngô hộp	70	35%	24,5	90	6,0
5	Ngô lạnh	70	35%	24,5	90	6,0
6	Xoài lạnh	40	35%	14	90	3,5
7	Xoài puree	100	30%	30	90	7,4
8	Chanh dây ruột sạch	40	35%	14	200	7,7
9	Chanh cô đặc	60	35%	21	100	5,8
10	Rau chân vịt	25	35%	8,75	60	1,4
11	Đậu tương	25	35%	8,75	150	3,6
TỔNG CỘNG						58,8

Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 256 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được phân loại, thu gom và lưu trữ vào 03 thùng chứa 100 lít có dán nhãn cảnh báo nguy hại cho từng loại chất thải.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí kho lưu chứa có kích thước: rộng 1,9m; dài 5,5m; diện tích: 10,45m²; tường kín, có mái che, nền đổ bê tông láng xi chống thấm, đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn từ bể tự hoại: Định kỳ hàng năm (*tùy thuộc mức độ sử dụng*) thuê đơn vị chức năng hút bùn bể phốt xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống thu gom, hố ga, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải được hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ 02 năm/lần.

- Đối với tro thải: Định kỳ 03 ngày/lần công nhân vận hành sẽ thu gom lượng tro này ra khỏi lò. Tro từ lò đốt là chất thải công nghiệp thông thường, công ty thực hiện hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Phụ phẩm bã thải: Được lưu chứa trong các Silo chứa theo từng dây chuyền, kích thước mặt dài x rộng là 3,25m x 3,25m, kích thước đáy 1,5m x 1,5m, chiều cao 2,85m, băng chuyền dài 8m. Biện pháp xử lý như sau:

- + Khoảng 50% khối lượng bã thải sản xuất được dùng làm để sản xuất phân bón hữu cơ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của Công ty. Xây dựng bể ủ phân kích thước bể ủ 10m x 5m x 2m.

- + Khoảng 50% lượng bã thải còn lại được phân loại và thu gom sau đó bán cho các hộ dân trong địa phương có nhu cầu về làm nhiên liệu đốt hoặc thức ăn gia súc hoặc bán cho cơ sở sản xuất phân bón.

- Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác không có giá trị sử dụng hoặc tái chế được thu gom và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo khối lượng phát sinh và đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa chất thải sinh hoạt dung tích 100lít, 02 công nhân thu gom rác thải sinh hoạt, rác thải được phân loại tại nguồn theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối với chất thải hữu cơ như thức ăn thừa, rau củ quả... được thu gom tập trung trong các thùng chứa riêng, có thể tạo điều kiện cho cán bộ công ty hoặc các hộ dân lân cận lấy về phục vụ cho công tác chăn nuôi (*như nuôi lợn, gà... hoặc ủ phân*).

- Rác thải kim loại, bìa cứng,... rác có khả năng tái chế thực hiện thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với các loại rác không có khả năng tái sử dụng, tái chế thì thu gom vào thùng sau đó đem tập kết tại vị trí tập kết rác thải của địa phương và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không có.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này và Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát

theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

6. Thực hiện đầy đủ phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất, vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ trước khi đi vào vận hành thử nghiệm dự án.

Phụ lục số 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục sản xuất và các công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La. Một số nội dung thay đổi so với hồ sơ nêu trên được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, hóa chất, công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về khoảng cách an toàn, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; tuân thủ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

5. Dự án chỉ được phép vận hành chính thức, bàn giao đưa vào sử dụng khi hoàn thành việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động sản xuất của dự án được đề ra trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

9. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.